

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày 26 - 5 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Ái Vy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Hiến**

Bà **Lê Thị Hoa**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hoàng Hà Tuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:** Bà **Đào Khánh Ly** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05A/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà **Giáp Thị K** - sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Đức Q** - sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền lập ngày 20/6/2019 tại Văn phòng công chứng Đình Vân)

Có mặt tại phiên tòa.

*Bị đơn:* Bà **Hoàng Thị T** - sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn L, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2019, bản tự khai ngày 11/7/2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Trần Đức Q** trình bày: Ngày 12/7/2017, nguyên đơn bà **Giáp Thị K** có cho bà **Hoàng Thị T** - sinh năm 1982, trú tại thôn L, xã S, thị xã N vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 12/7/2017 đến ngày 20/7/2017. Hai bên có lập “Giấy vay tiền” ngày 12/7/2017, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, không ghi cụ thể vào giấy vay tiền. Đến hết thời hạn vay nói trên, bà K đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T cố tình không trả. Nay bà K yêu cầu bà T trả tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả nợ tính từ ngày 21/7/2017 đến

ngày 26/5/2020 (là 34 tháng) với mức lãi suất 0,83%/tháng ( $80.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} = 22.576.000đ$  tiền lãi), tổng cộng là 102.576.000 đồng.

Đối với số tiền lệ phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn bà Giáp Thị K xin chịu.

Bị đơn bà Hoàng Thị T vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân thị xã N đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn bà T không chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự) của Tòa án là chưa đúng theo quy định vì thủ tục này không quy định thời hạn đăng tin nhưng thông báo của Tòa án gửi đến trung tâm dịch vụ đăng tin là thời hạn 01 tháng kể từ ngày đăng tin để bị đơn đến Tòa giải quyết vụ việc; sau đó Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đợi kết quả thông báo tìm kiếm là không phù hợp, trái với quy định tại Điều 180, Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự dẫn đến việc kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng tới quyền lợi của nguyên đơn.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy bị đơn bà Hoàng Thị T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị T trả cho bà Giáp Thị K số tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả nợ tính từ ngày 21/7/2017 đến ngày 26/5/2020 với lãi suất 0,83%/tháng ( $80.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} = 22.576.000đ$  tiền lãi). Tổng cộng số tiền là 102.576.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Hoàng Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Giáp Thị K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hoàng Thị T phải trả số tiền vay là 102.576.000 đồng (trong đó tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 22.576.000 đồng). Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 12/7/2017, nguyên đơn bà Giáp Thị K có cho bà Hoàng Thị T vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 12/7/2017 đến ngày 20/7/2017. Hai bên có lập “Giấy vay tiền”, không thỏa thuận lãi suất. Quá thời hạn vay nói trên, bà K đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không thực hiện và cố tình trốn tránh. Vì vậy, bà K yêu cầu bà T trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 21/7/2017 đến ngày 26/5/2020 (là 34 tháng) với lãi suất 0,83%/tháng ( $80.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} = 22.576.000đ$  tiền lãi). Tổng cộng số tiền là 102.576.000 đồng.

[4] Xét Giấy vay tiền được ký kết giữa bà Giáp Thị K và bà Hoàng Thị T trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa các bên phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi. Việc bị đơn cố tình trốn tránh không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, xâm phạm đến quyền lợi và gây thiệt hại cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 80.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét mức lãi suất 0,83%/tháng của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả trên số tiền gốc chậm trả: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự về lãi suất và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm trả với số tiền 22.576.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật ( $102.576.000đ \times 5\%$  ).

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Hoàng Thị T phải trả cho bà Giáp Thị K số tiền 102.576.000.000đ (*Một trăm lẻ hai triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi 22.576.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**2. Về án phí:** Bà Hoàng Thị T nộp 5.128.000đ (*Năm triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Giáp Thị K 2.199.000đ (*Hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2018/0009067** ngày **01/7/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ái Vy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hiến**

**Lê Thị Hoa**

**Đặng Thị Ái Vy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Chuyển**

**Nguyễn Thị Hoa**

**Đặng Thị Ái Vy**